BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024
Tuần 10: Từ 09/10 Đến 15/10/2023

LỚP			10A17	10A18	61CĐC1	61CĐL1	61CĐT1	61CGK1	61CKT1	61CS1	61CS2	61CTT1	61TCCT1	61TCCT2	61TCĐC1	61TCGK1	61TCKT1	61TCLG1	61TVCT1	61TVĐC1	61TVĐC2	61TVĐC3	61TVĐC4A_YL	61TVĐC4B_YL	61TVĐC5A_BX	61TVĐC5B_BX	61TVĐC6A_BX	61TVĐC6B_BX
THỨ	BUỔI	TIẾT																										
Thứ 2 09/10	Sáng	1	Lịch sử 5 Lê Thị Quyên (H5.307)	Hóa học 5 Nguyễn Thị Tuyến (H5.403)			Lập cấu hình và bảo trì các mạng hệ thống điều khiển công nghiệp Hoàng Quyết Tiến (X23.301.Phòng học Vi mạch tương tự)						Toán học 3 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)	Toán học 3 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Hạnh (H5.103)			Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Hạnh (H5.103)	Lịch sử 5 Lưu Yến Ngọc (H5.304)	Toán học 5 Nguyễn Thị Huyền (H5.202)	Lịch sử 5 Lưu Thị Thuỷ (H5.406)	Lịch sử 5 Lưu Thị Thuỷ (H5.406)						
		2	Hóa học 5 Nguyễn Thu Trang (H5.307)																Toán học 5 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)									
		3	Văn học 5 Trần Thị Kim Liên (H5.307)	Văn học 5 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.403)																Lịch sử 5 Lê Thị Quyên (H5.202)	Văn học 5 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.406)	Văn học 5 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.406)						
		4	Sinh học 5 Nguyễn Thị Quyên (H5.307)	Toán học 5 Nguyễn Tiến Hiển (H5.403)															Văn học 5 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)									
		5											Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.102)	Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.102)						Văn học 5 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.202)								
	Chiều	6													Toán học 3 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.103)	Hóa học 3 Nguyễn Thị Tuyến (H5.104)	Hóa học 3 Nguyễn Thị Tuyến (H5.104)	Toán học 3 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.103)										
		7																										
		8																										
		9																										
		10																										
Thứ 3 10/10	Sáng	1	Văn học 5 Trần Thị Kim Liên (H5.307)	Vật lý 5 Nguyễn Thị Vân (H5.403)			Lập cấu hình và bảo trì các mạng hệ thống điều khiển công nghiệp Hoàng Quyết Tiến (X23.301.Phòng học Vi mạch tương tự)						Toán học 3 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)	Toán học 3 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)	Toán học 3 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.103)	Toán học 3 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.104)	Toán học 3 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.104)	Toán học 3 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.103)	Địa lý 5 Nguyễn Thị Tĩnh (H5.304)	Văn học 5 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.202)	Sinh học 5 Nguyễn Thị Hợp (H5.406)	Sinh học 5 Nguyễn Thị Hợp (H5.406)						
		2											Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.102)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.102)							Toán học 5 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Toán học 5 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)						
		3	Lịch sử 5 Lê Thị Quyên (H5.307)	Toán học 5 Nguyễn Tiến Hiển (H5.403)															Lịch sử 5 Lưu Yến Ngọc (H5.304)	Toán học 5 Nguyễn Thị Huyền (H5.202)								
		4	Vật lý 5 Chu Thị Tính (H5.307)										Toán học 3 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)	Toán học 3 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)					Toán học 5 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)		Địa lý 5 Dương Thị Hồng (H5.406)	Địa lý 5 Dương Thị Hồng (H5.406)						
		5		Sinh học 5 Nguyễn Thị Hợp (H5.403)																								
	Chiều	6																										
		7					Lập cấu hình và bảo trì các mạng hệ thống điều khiển công nghiệp Hoàng Quyết Tiến (X23.301.Phòng học Vi mạch tương tự)																					
		8											Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.102)	Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.102)		Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.104)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.104)											
		9																										
		10																										
Thứ 4 11/10	Sáng	1	Hóa học 5 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	Địa lý 5 Nguyễn Thị Tĩnh (H5.403)			Lập cấu hình và bảo trì các mạng hệ thống điều khiển công nghiệp Hoàng Quyết Tiến (X23.301.Phòng học Vi mạch tương tự)						Toán học 3 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)	Toán học 3 Nguyễn Quốc Khánh (H5.102)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Hạnh (H5.103)	Vật lý 3 Nguyễn Thị Vân (H5.104)	Vật lý 3 Nguyễn Thị Vân (H5.104)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Hạnh (H5.103)	Văn học 5 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)	Hóa học 5 Trần Thị Hằng (H5.202)	Văn học 5 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.406)	Văn học 5 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.406)						
		2	Địa lý 5 Trần Thị Thanh Hòa (H5.307)																		Vật lý 5 Phạm Thanh Mai (H5.406)	Vật lý 5 Phạm Thanh Mai (H5.406)						
		3		Lịch sử 5 Lưu Thị Thuỷ (H5.403)												Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.104)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.104)		Sinh học 5 Lê Thị Thảo (H5.304)	Địa lý 5 Nguyễn Thị Tĩnh (H5.202)								
		4	Toán học 5 Kim Thành Nam (H5.307)												Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.103)			Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.103)	Hóa học 5 Trịnh Thị Phong Lan (H5.304)		Hóa học 5 Trần Thị Hằng (H5.406)	Hóa học 5 Trần Thị Hằng (H5.406)						
		5																		Sinh học 5 Lê Thị Thảo (H5.202)								
	Chiều	6																										
		7																										
		8																										
		9																										
		10																										

LỚP			10A17	10A18	61CĐC1	61CĐL1	61CĐT1	61CGK1	61CKT1	61CS1	61CS2	61CTT1	61TCCT1	61TCCT2	61TCĐC1	61TCGK1	61TCKT1	61TCLG1	61TVCT1	61TVĐC1	61TVĐC2	61TVĐC3	61TVĐC4A_YL	61TVĐC4B_YL	61TVĐC5A_BX	61TVĐC5B_BX	61TVĐC6A_BX	61TVĐC6B_BX
THỨ	BUỔI	TIẾT																										
Thứ 5 12/10	Sáng	1	Toán học 5 Kim Thành Nam (H5.307)	Văn học 5 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.403)			Lập cấu hình và bảo trì các mạng hệ thống điều khiển công nghiệp Hoàng Quyết Tiến (X23.301.Phòng học Vi mạch tương tự)						Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.102)	Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.102)	Toán học 3 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.103)	Toán học 3 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.104)	Toán học 3 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.104)	Toán học 3 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.103)	Vật lý 5 Nguyễn Thị Vân (H5.304)	Vật lý 5 Phạm Thanh Mai (H5.202)	Toán học 5 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Toán học 5 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)						
		2																										
		3											Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.102)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.102)	Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.103)	Vật lý 3 Nguyễn Thị Vân (H5.104)	Vật lý 3 Nguyễn Thị Vân (H5.104)	Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.103)										
		4																										
		5																										
	Chiều	6																										
		7					Lập cấu hình và bảo trì các mạng hệ thống điều khiển công nghiệp Hoàng Quyết Tiến (X23.301.Phòng học Vi mạch tương tự)																					
		8																										
		9																										
		10																										
Thứ 6 13/10	Sáng	1													Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.103)			Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.103)										
		2					Lập cấu hình và bảo trì các mạng hệ thống điều khiển công nghiệp Hoàng Quyết Tiến (X23.301.Phòng học Vi mạch tương tự)																					
		3																										
		4																										
		5																										
	Chiều	6											Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.102)	Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.102)		Toán học 3 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.103)	Toán học 3 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.103)											
		7																										
		8																										
		9																										
		10																										
Thứ 7 14/10	Sáng	1																										
		2																										
		3																										
		4																										
		5																										
	Chiều	6																										
		7																										
		8																										
		9																										
		10																										

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024
Tuần 10: Từ 09/10 Đến 15/10/2023

LỚP			61TVĐL1	61TVĐL2	61TVĐL3A_VT	61TVĐL3B_VT	61TVĐL4_VT	61TVĐL5A_LT	61TVĐL5B_LT	61TVĐL6_TD	61TVĐT1	61TVĐT2	61TVĐT3	61TVĐT4_LT	61TVKT1	61TVKT2	61TVLĐ1A_YL	61TVLĐ1B_YL	61TVLĐ2A_YL	61TVLĐ2B_YL	61TVLG1	61TVMT1	61TVMT2A_BX	61TVMT2B_BX	61TVQM1	61TVQM2	61TVQM3	61TVS1
THỨ	BUỔI	TIẾT																										
Thứ 2 09/10	Sáng	1	Văn học 5 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.306)	Văn học 5 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.301)							Văn học 5 Trần Thị Kim Liên (H5.204)	Hóa học 5 Trịnh Thị Phong Lan (H5.201)	Toán học 5 Nguyễn Thị Huyền (H5.202)		Văn học 5 Trần Thị Kim Liên (H5.204)	Hóa học 5 Trịnh Thị Phong Lan (H5.201)					Văn học 5 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.404)	Văn học 5 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.404)			Văn học 5 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.306)	Văn học 5 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.301)	Toán học 5 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)	Vật lý 5 Nguyễn Thị Vân (H5.203)
		2																										
		3	Toán học 5 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)	Vật lý 5 Nguyễn Thị Vân (H5.301)							Hóa học 5 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Lịch sử 5 Lưu Yến Ngọc (H5.201)	Lịch sử 5 Lê Thị Quyên (H5.202)		Hóa học 5 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Lịch sử 5 Lưu Yến Ngọc (H5.201)					Toán học 5 Nguyễn Thị Huyền (H5.404)	Toán học 5 Nguyễn Thị Huyền (H5.404)			Toán học 5 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)	Vật lý 5 Nguyễn Thị Vân (H5.301)	Hóa học 5 Nguyễn Thu Trang (H5.303)	Toán học 5 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)
		4																										
		5	Sinh học 5 Nguyễn Thị Quyên (H5.306)	Lịch sử 5 Lưu Yến Ngọc (H5.301)							Toán học 5 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.204)	Toán học 5 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.201)	Văn học 5 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.202)		Toán học 5 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.204)	Toán học 5 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.201)					Hóa học 5 Nguyễn Thu Trang (H5.404)	Hóa học 5 Nguyễn Thu Trang (H5.404)			Sinh học 5 Nguyễn Thị Quyên (H5.306)	Lịch sử 5 Lưu Yến Ngọc (H5.301)	Văn học 5 Lê Thị Tố Quyên (H5.303)	Văn học 5 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)
	Chiều	6								Sửa chữa tủ lạnh Nguyễn Tiến Nghĩa ()																		
		7																										
		8																										
		9																										
		10																										
Thứ 3 10/10	Sáng	1	Vật lý 5 Phạm Thanh Mai (H5.306)	Toán học 5 Nguyễn Văn Trường (H5.301)							Vật lý 5 Chu Thị Tính (H5.204)	Lịch sử 5 Lưu Yến Ngọc (H5.201)	Văn học 5 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.202)		Vật lý 5 Chu Thị Tính (H5.204)	Lịch sử 5 Lưu Yến Ngọc (H5.201)					Toán học 5 Nguyễn Thị Huyền (H5.404)	Toán học 5 Nguyễn Thị Huyền (H5.404)			Vật lý 5 Phạm Thanh Mai (H5.306)	Toán học 5 Nguyễn Văn Trường (H5.301)	Địa lý 5 Dương Thị Hồng (H5.303)	Địa lý 5 Trần Thị Thanh Hòa (H5.203)
		2										Toán học 5 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.201)				Toán học 5 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.201)												
		3	Địa lý 5 Trần Thị Thanh Hòa (H5.306)	Địa lý 5 Nguyễn Thị Tính (H5.301)							Địa lý 5 Dương Thị Hồng (H5.204)		Toán học 5 Nguyễn Thị Huyền (H5.202)		Địa lý 5 Dương Thị Hồng (H5.204)						Văn học 5 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.404)	Văn học 5 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.404)			Địa lý 5 Trần Thị Thanh Hòa (H5.306)	Địa lý 5 Nguyễn Thị Tính (H5.301)	Sinh học 5 Nguyễn Thị Hợp (H5.303)	Vật lý 5 Nguyễn Thị Vân (H5.203)
		4	Lịch sử 5 Lưu Yến Ngọc (H5.306)								Văn học 5 Trần Thị Kim Liên (H5.204)				Văn học 5 Trần Thị Kim Liên (H5.204)						Địa lý 5 Trần Thị Thanh Hòa (H5.404)	Địa lý 5 Trần Thị Thanh Hòa (H5.404)			Lịch sử 5 Lưu Yến Ngọc (H5.306)		Vật lý 5 Phạm Thanh Mai (H5.303)	Sinh học 5 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)
		5										Văn học 5 Nguyễn Thị Hạnh (H5.201)				Văn học 5 Nguyễn Thị Hạnh (H5.201)												
	Chiều	6			Bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt điều hòa không khí gia đụng Nguyễn Trí Đức ()	Sửa chữa tủ lạnh Bùi Công Kết ()	Sửa chữa tủ lạnh Lưu Quang Hưng ()			Sửa chữa tủ lạnh Nguyễn Tiến Nghĩa ()																		
		7																										
		8																										
		9																										
		10																										
Thứ 4 11/10	Sáng	1	Địa lý 5 Trần Thị Thanh Hòa (H5.306)	Sinh học 5 Lê Thị Thảo (H5.301)							Hóa học 5 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Địa lý 5 Dương Thị Hồng (H5.201)	Hóa học 5 Trần Thị Hằng (H5.202)		Hóa học 5 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Địa lý 5 Dương Thị Hồng (H5.201)					Vật lý 5 Nguyễn Hoài Anh (H5.404)	Vật lý 5 Nguyễn Hoài Anh (H5.404)			Địa lý 5 Trần Thị Thanh Hòa (H5.306)	Sinh học 5 Lê Thị Thảo (H5.301)	Toán học 5 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)	Lịch sử 5 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)
		2	Văn học 5 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.306)	Hóa học 5 Trịnh Thị Phong Lan (H5.301)							Sinh học 5 Lê Thị Thảo (H5.204)				Sinh học 5 Lê Thị Thảo (H5.204)										Văn học 5 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.306)			
		3	Toán học 5 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)								Toán học 5 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.204)	Vật lý 5 Nguyễn Hoài Anh (H5.201)	Địa lý 5 Nguyễn Thị Tính (H5.202)		Toán học 5 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.204)	Vật lý 5 Nguyễn Hoài Anh (H5.201)					Hóa học 5 Nguyễn Thu Trang (H5.404)	Hóa học 5 Nguyễn Thu Trang (H5.404)			Toán học 5 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)	Hóa học 5 Trịnh Thị Phong Lan (H5.301)	Văn học 5 Lê Thị Tố Quyên (H5.303)	Văn học 5 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)
		4		Văn học 5 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.301)																	Sinh học 5 Lê Thị Thảo (H5.404)	Sinh học 5 Lê Thị Thảo (H5.404)						
		5									Địa lý 5 Dương Thị Hồng (H5.204)		Sinh học 5 Lê Thị Thảo (H5.202)		Địa lý 5 Dương Thị Hồng (H5.204)											Văn học 5 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.301)		Hóa học 5 Nguyễn Thu Trang (H5.203)
	Chiều	6								Sửa chữa tủ lạnh Nguyễn Tiến Nghĩa ()																		
		7																										
		8																										
		9																										
		10																										

LỚP			61TVĐL1	61TVĐL2	61TVĐL3A_VT	61TVĐL3B_VT	61TVĐL4_VT	61TVĐL5A_LT	61TVĐL5B_LT	61TVĐL6_TD	61TVĐT1	61TVĐT2	61TVĐT3	61TVĐT4_LT	61TVKT1	61TVKT2	61TVLĐ1A_YL	61TVLĐ1B_YL	61TVLĐ2A_YL	61TVLĐ2B_YL	61TVLG1	61TVMT1	61TVMT2A_BX	61TVMT2B_BX	61TVQM1	61TVQM2	61TVQM3	61TVS1
THỨ	BUỔI	TIẾT																										
Thứ 5 12/10	Sáng	1	Hóa học 5 Trần Thị Hằng (H5.306)	Toán học 5 Nguyễn Văn Trường (H5.301)							Lịch sử 5 Lưu Thị Thuỷ (H5.204)	Văn học 5 Nguyễn Thị Hạnh (H5.201)	Vật lý 5 Phạm Thanh Mai (H5.202)		Lịch sử 5 Lưu Thị Thuỷ (H5.204)	Văn học 5 Nguyễn Thị Hạnh (H5.201)					Lịch sử 5 Lê Thị Quyên (H5.404)	Lịch sử 5 Lê Thị Quyên (H5.404)			Hóa học 5 Trần Thị Hằng (H5.306)	Toán học 5 Nguyễn Văn Trường (H5.301)	Lịch sử 5 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Toán học 5 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)
		2										Sinh học 5 Nguyễn Thị Hợp (H5.201)				Sinh học 5 Nguyễn Thị Hợp (H5.201)												
		3																										
		4																										
		5																										
	Chiều	6																										
		7			Bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt điều hòa không khí gia dụng Nguyễn Trí Đức ()	Sửa chữa tủ lạnh Bùi Công Kết ()	Sửa chữa tủ lạnh Lưu Quang Hưng ()			Sửa chữa tủ lạnh Nguyễn Tiến Nghĩa ()																		
		8																										
		9																										
		10																										
Thứ 6 13/10	Sáng	1																										
		2						Bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt điều hòa không khí gia dụng Lê Trung Thịnh ()	Bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt điều hòa không khí gia dụng Đặng Duy Thanh ()					Vi mạch số lập trình Phạm Đức Tùng ()								Ktra: Bảo đảm an toàn dữ liệu-1-1-2023(N01) Tạ Văn Khoa (H3.203_TH Máy tính)			Ktra: Công nghệ mạng không dây-1-1-2023(N01) Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.110_TH THCB)			
		3																										
		4																										
		5																										
	Chiều	6																										
		7			Bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt điều hòa không khí gia dụng Nguyễn Trí Đức ()	Sửa chữa tủ lạnh Bùi Công Kết ()	Sửa chữa tủ lạnh Lưu Quang Hưng ()	Bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt điều hòa không khí gia dụng Lê Trung Thịnh ()	Bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt điều hòa không khí gia dụng Đặng Duy Thanh ()					Vi mạch số lập trình Phạm Đức Tùng ()										Ktra: Bảo đảm an toàn dữ liệu-1-1-2023(N02) Tạ Văn Khoa (...)	Ktra: Bảo đảm an toàn dữ liệu-1-1-2023(N03) Nguyễn Tuấn Mạnh (...)		Ktra: Sửa chữa máy in & thiết bị ngoại vi-1-1-2023(N02) Lê Sơn Thảo (H3.201_TH KTXS)	Ktra: Sửa chữa máy in & thiết bị ngoại vi-1-1-2023(N03) Hoàng Tùng (H3.204.TH KHOA TIN)	
		8																										
		9																										
		10																										
Thứ 7 14/10	Sáng	1																										
		2			Bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt điều hòa không khí gia dụng Nguyễn Trí Đức ()	Sửa chữa tủ lạnh Bùi Công Kết ()	Sửa chữa tủ lạnh Lưu Quang Hưng ()	Bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt điều hòa không khí gia dụng Lê Trung Thịnh ()	Bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt điều hòa không khí gia dụng Đặng Duy Thanh ()					Vi mạch số lập trình Phạm Đức Tùng ()															
		3																										
		4																										
		5																										
	Chiều	6																										
		7			Bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt điều hòa không khí gia dụng Nguyễn Trí Đức ()	Sửa chữa tủ lạnh Bùi Công Kết ()	Sửa chữa tủ lạnh Lưu Quang Hưng ()	Bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt điều hòa không khí gia dụng Lê Trung Thịnh ()	Bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt điều hòa không khí gia dụng Đặng Duy Thanh ()					Vi mạch số lập trình Phạm Đức Tùng ()															
		8																										
		9																										
		10																										

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024
Tuần 10: Từ 09/10 Đến 15/10/2023

LỚP			61TVS2	61TVS3	61TVVP1	61TVVP2	61TVVP3	62CCT1	62CĐC1	62CĐH1	62CĐL1	62CĐT1	62CGK1	62CKT1	62CQM1	62CS1	62CS2	62TCĐC1	62TCĐL1	62TCĐT1	62TCGK1	62TCKT1	62TCQM1	62TCS1	62TVĐC10_YL	62TVĐC1	62TVĐC2	62TVĐC3
THỨ	BUỔI	TIẾT																										
Thứ 2 09/10	Sáng	1	Vật lý 5 Nguyễn Thị Vân (H5.203)	Lịch sử 5 Lưu Yến Ngọc (H5.304)	Toán học 5 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)	Toán học 5 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.302)	Toán học 5 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.302)											Vật lý 2 Chu Thị Tính (H5.107)	Kỹ thuật lạnh cơ bản Nguyễn Trí Đức (H6.401_LT Khoa ĐT-ĐL)	Vật lý 2 Phạm Thanh Mai (H5.106)	Vật lý 2 Phạm Thanh Mai (H5.106)	Vật lý 2 Chu Thị Tính (H5.107)	Tách: Lập trình căn bản-1-1-2023(N07) (...) Lập trình căn bản-1-1-2023(N08) Phan Hoàng Lan (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)		Máy điện Trần Thị Thơm (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)	Điện tử cơ bản Nguyễn Trung Tuệ (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)	Máy điện Nguyễn Bá Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)
		2	Toán học 5 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)	Toán học 5 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)																								
		3			Hóa học 5 Nguyễn Thu Trang (H5.303)	Hóa học 5 Nguyễn Thị Tuyến (H5.302)	Hóa học 5 Nguyễn Thị Tuyến (H5.302)																					
		4	Văn học 5 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Văn học 5 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)																Hóa học 2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.106)	Hóa học 2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.106)								
		5			Văn học 5 Lê Thị Tố Quyên (H5.303)	Lịch sử 5 Lê Thị Quyên (H5.302)	Lịch sử 5 Lê Thị Quyên (H5.302)											Hóa học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.107)				Hóa học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.107)							
	Chiều	6																LĐ	Toán học 2 Kim Thành Nam (H5.404)	Điện tử tương tự Nguyễn Văn Chiều (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)	Tiện Chu Mạnh Hùng (X10.01_Xưởng TH Khoa Cơ khí.)	Thuế Lương Thị Hương (H3.208_Khoa SP-KT)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.102)	Toán học 2 Kim Thành Nam (H5.404)				Máy điện Nguyễn Bá Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)
		7																										
		8																					Vật lý 2 Nguyễn Hoài Anh (H5.102)					
		9																										
		10																										
Thứ 3 10/10	Sáng	1	Địa lý 5 Trần Thị Thanh Hòa (H5.203)	Địa lý 5 Nguyễn Thị Tình (H5.304)	Địa lý 5 Dương Thị Hồng (H5.303)	Lịch sử 5 Lê Thị Quyên (H5.302)	Lịch sử 5 Lê Thị Quyên (H5.302)											Hóa học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.107)	Kỹ thuật lạnh cơ bản Nguyễn Trí Đức (H6.401_LT Khoa ĐT-ĐL)	Toán học 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.106)	Toán học 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.106)	Hóa học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.107)	LĐ	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)		Máy điện Trần Thị Thơm (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)	Điện tử cơ bản Nguyễn Trung Tuệ (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)	Máy điện Nguyễn Bá Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)
		2				Văn học 5 Nguyễn Thị Hạnh (H5.302)	Văn học 5 Nguyễn Thị Hạnh (H5.302)																					
		3	Vật lý 5 Nguyễn Thị Vân (H5.203)	Lịch sử 5 Lưu Yến Ngọc (H5.304)	Sinh học 5 Nguyễn Thị Hợp (H5.303)													Toán học 2 Nguyễn Văn Trường (H5.107)		Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.106)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.106)	Toán học 2 Nguyễn Văn Trường (H5.107)							
		4	Sinh học 5 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Toán học 5 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)	Vật lý 5 Phạm Thanh Mai (H5.303)	Vật lý 5 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	Vật lý 5 Nguyễn Thị Vân (H5.302)																					
		5																										
	Chiều	6																	Toán học 2 Kim Thành Nam (H5.404)	Điện tử tương tự Nguyễn Văn Chiều (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)	Tiện Chu Mạnh Hùng (X10.01_Xưởng TH Khoa Cơ khí.)	LĐ	Toán học 2 Nguyễn Thị Huyền (H5.103)	Toán học 2 Kim Thành Nam (H5.404)				Máy điện Nguyễn Bá Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)
		7																										
		8																	Hóa học 2 Trần Thị Hằng (H5.404)					Hóa học 2 Trần Thị Hằng (H5.404)				
		9																										
		10																										
Thứ 4 11/10	Sáng	1	Lịch sử 5 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)	Văn học 5 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)	Toán học 5 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)	Toán học 5 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.302)	Toán học 5 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.302)											Toán học 2 Nguyễn Văn Trường (H5.107)	Kỹ thuật lạnh cơ bản Nguyễn Trí Đức (H6.401_LT Khoa ĐT-ĐL)	Toán học 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.106)	Toán học 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.106)	Toán học 2 Nguyễn Văn Trường (H5.107)		Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)		Máy điện Trần Thị Thơm (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)	Điện tử cơ bản Nguyễn Trung Tuệ (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)	Kỹ thuật cảm biến Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)
		2																										
		3	Văn học 5 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Sinh học 5 Lê Thị Thảo (H5.304)	Văn học 5 Lê Thị Tố Quyên (H5.303)	Địa lý 5 Dương Thị Hồng (H5.302)	Địa lý 5 Dương Thị Hồng (H5.302)																					
		4	Hóa học 5 Nguyễn Thu Trang (H5.203)	Hóa học 5 Trịnh Thị Phong Lan (H5.304)																								
		5																										
	Chiều	6																	Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.102)	Điện tử tương tự Nguyễn Văn Chiều (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)	Tiện Chu Mạnh Hùng (X10.01_Xưởng TH Khoa Cơ khí.)	Thuế Lương Thị Hương (H3.208_Khoa SP-KT)	Vật lý 2 Nguyễn Hoài Anh (H5.103)	Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.102)		Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.304)	Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.304)	Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.201)
		7																					Toán học 2 Nguyễn Thị Huyền (H5.103)						Toán 3 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)
		8																	Vật lý 2 Nguyễn Hoài Anh (H5.102)					Vật lý 2 Nguyễn Hoài Anh (H5.102)		Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	
		9																					Hóa học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.103)						Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)
		10																								Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)

LỚP			61TVS2	61TVS3	61TVVP1	61TVVP2	61TVVP3	62CCT1	62CĐC1	62CĐH1	62CĐL1	62CĐT1	62CGK1	62CKT1	62CQM1	62CS1	62CS2	62TCĐC1	62TCĐL1	62TCĐT1	62TCGK1	62TCKT1	62TCQM1	62TCS1	62TVĐC10_YL	62TVĐC1	62TVĐC2	62TVĐC3
THỨ	BUỔI	TIẾT																										
Thứ 5 12/10	Sáng	1	Toán học 5 Nguyễn Tiến Hiển (H5.203)	Vật lý 5 Nguyễn Thị Vân (H5.304)	Lịch sử 5 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Sinh học 5 Nguyễn Thị Hợp (H5.302)	Sinh học 5 Nguyễn Thị Hợp (H5.302)												Kỹ thuật lạnh cơ bản Nguyễn Trí Đức (H6.401_LT Khoa ĐT-ĐL)	Ktra: Điện tử cơ bản-1-1-2023(N12) Dương Thanh Huệ (H6.102_Thiết bị khoa ĐL)				Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)		Máy điện Trần Thị Thơm (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)	Điện tử cơ bản Nguyễn Trung Tuệ (X23.101_Phòng LT Khoa Điện)	Kỹ thuật cảm biến Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)
		2				Văn học 5 Nguyễn Thị Hạnh (H5.302)	Văn học 5 Nguyễn Thị Hạnh (H5.302)																					
		3																										
		4																										
		5																										
	Chiều	6					Ktra: Cài đặt và sử dụng các phần mềm văn phòng thông dụng-1-1-2023(N03) Phùng Thị Minh Phương (H3.211_TH Tin Đại cương)												Hóa học 2 Trần Thị Hằng (H5.102)	Điện tử tương tự Nguyễn Văn Chiều (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)	Tiện Chu Mạnh Hùng (X10.01_Xưởng TH Khoa Cơ khí.)	Thuế Lương Thị Hương (H3.208_Khoa SP-KT)	Hóa học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.103)	Hóa học 2 Trần Thị Hằng (H5.102)		Toán 3 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)	Toán 3 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)	Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.201)
		7																	Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.102)					Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.102)			Hóa học 3 Nguyễn Thị Tuyến (H5.304)	Hóa học 3 Nguyễn Thị Tuyến (H5.304)	Cụm chuyên đề Toán 3 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)
		8																					Ngữ văn 2 Nguyễn Thuỳ Ngọc (H5.103)					Toán 3 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)
		9																								Sinh học 3 Nguyễn Thị Hợp (H5.304)	Sinh học 3 Nguyễn Thị Hợp (H5.304)	Hóa học 3 Nguyễn Thị Tuyến (H5.201)
		10																										
Thứ 6 13/10	Sáng	1																		Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.106)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.106)							
		2				Ktra: Cài đặt và sử dụng các phần mềm văn phòng thông dụng-1-1-2023(N02) Tạ Ngọc Dũng (H2.203_TH Tin Đại cương)											Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.107)	Kỹ thuật lạnh cơ bản Nguyễn Trí Đức (H6.401_LT Khoa ĐT-ĐL)				Tách: Lập trình căn bản-1-1-2023(N07) (...) Lập trình căn bản-1-1-2023(N08) Phan Hoàng Lan (H3.210_TH Tin Ứng dụng)					
		3																		Vật lý 2 Phạm Thanh Mai (H5.106)	Vật lý 2 Phạm Thanh Mai (H5.106)							
		4																		Hóa học 2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.106)	Hóa học 2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.106)							
		5																										
	Chiều	6																	Ktra: PLC cơ bản-1-1-2023(N06) Nguyễn Thị Thanh Thủy (X23.307.Phòng học PLC - Rô bốt Công nghiệp)	Ktra: Bộ biến đổi AC/DC-1-1-2023(N07) Nguyễn Minh Khang (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)				Tách: Lập trình căn bản-1-1-2023(N07) (...) Lập trình căn bản-1-1-2023(N08) Phan Hoàng Lan (H3.210_TH Tin Ứng dụng)			Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.304) Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.304)	Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.304) Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.304)	Địa lý 3 Phạm Thị Hiền (H5.201)
		7			Ktra: Bảng tính điện tử-1-1-2023(N01) Lê Hoàng (H3.205.TH Tin học)																							
		8																								Địa lý 3 Phạm Thị Hiền (H5.304)	Địa lý 3 Phạm Thị Hiền (H5.304)	Sinh học 3 Lê Thị Thảo (H5.201)
		9																										
		10																								Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)
Thứ 7 14/10	Sáng	1																										
		2																										
		3																										
		4																										
		5																										
	Chiều	6																								Toán 3 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.106)	Toán 3 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.106)	Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.402)
		7																										Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.402)
		8																								Cụm chuyên đề Toán 3 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.106)	Cụm chuyên đề Toán 3 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.106)	Sinh học 3 Lê Thị Thảo (H5.402)
		9																								Sinh hoạt lớp ()	Sinh hoạt lớp ()	Sinh hoạt lớp ()
		10																								Chào cờ ()	Chào cờ ()	Chào cờ ()

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024
Tuần 10: Từ 09/10 Đến 15/10/2023

LỚP			62TVĐC4	62TVĐC5_BX	62TVĐC6_BX	62TVĐC7_YL	62TVĐC8_YL	62TVĐC9_YL	62TVĐH1_YL	62TVĐH2_YL	62TVĐL1	62TVĐL2	62TVĐL3	62TVĐL4_VT	62TVĐT1	62TVĐT2	62TVĐT3	62TVĐT4_VT	62TVĐT5_VT	62TVĐT6_VT	62TVGK1	62TVHA1_LT	62TVHA2_LT	62TVKT1	62TVKT2	62TVKT3	62TVKT4_LT	62TVKT5_LT
THỨ	BUỔI	TIẾT																										
Thứ 2 09/10	Sáng	1	Kỹ thuật cảm biến Nguyễn Duy Thanh (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)								Trang bị điện Triệu Đình Sơn (X23.303.Phòng học Điện cơ bản)	PLC cơ bản Nguyễn Văn Bảy (X23.307.Phòng học PLC - Rô bốt Công nghiệp)	Điện tử cơ bản Nguyễn Minh Khang (H6.302.TH. ĐTCS-KTCB)		Trang bị điện Nguyễn Đức Thịnh (H3.109_THĐT)	Điện tử tương tự Phạm Đức Tùng (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)	Bộ biến đổi AC/DC Lê Thị Thanh Tâm (H6.201.TH Khoa ĐT-ĐL)				Tiện Nguyễn Thị Hạnh (TT.Tiện- Phay- bào)			Kế toán doanh nghiệp I Lương Thị Hương (H3.205)		Lý thuyết thống kê Trần Huy Quảng (H3.206_Khoa SP-KT)		
		2																										
		3																										
		4																										
		5																										
	Chiều	6		Máy điện Phan Thị Lý ()	Máy điện Nguyễn Anh Đức ()								Ktra: PLC cơ bản-1-1-2023(N04) Lê Kiên Cường (X23.307.Phòng học PLC - Rô bốt Công nghiệp)		Trang bị điện Nguyễn Đức Thịnh (H3.109_THĐT)			Kỹ thuật số Hoàng Quyết Tiến ()							Tài chính doanh nghiệp Đặng Thị Thu Hà (H3.206_Khoa SP-KT)			
		7																										
		8																										
		9																										
		10																										
Thứ 3 10/10	Sáng	1	Kỹ thuật cảm biến Nguyễn Duy Thanh (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)						Tiếng anh chuyên ngành Đoàn Mạnh Hà ()	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hương ()	Trang bị điện Triệu Đình Sơn (X23.303.Phòng học Điện cơ bản)	PLC cơ bản Nguyễn Văn Bảy (X23.307.Phòng học PLC - Rô bốt Công nghiệp)	Điện tử cơ bản Nguyễn Minh Khang (H6.302.TH. ĐTCS-KTCB)		Ktra: Bộ biến đổi AC/DC-1-1-2023(N01) (X23.308.Phòng học Đo lường)	Điện tử tương tự Phạm Đức Tùng (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)	Bộ biến đổi AC/DC Lê Thị Thanh Tâm (H6.201.TH Khoa ĐT-ĐL)				Tiện Nguyễn Thị Hạnh (TT.Tiện- Phay- bào)					Thống kê doanh nghiệp Trần Huy Quảng (H3.206_Khoa SP-KT)		
		2																										
		3																										
		4																										
		5																										
	Chiều	6		Máy điện Phan Thị Lý ()	Máy điện Nguyễn Anh Đức ()						Ktra: PLC cơ bản-1-1-2023(N02) Lê Kiên Cường (X23.307.Phòng học PLC - Rô bốt Công nghiệp)	Ktra: Điện tử cơ bản-1-1-2023(N02) Lê Thị Thanh Tâm (X23.302.Phòng học Máy điện)	Ktra: Kỹ thuật lạnh cơ bản-1-1-2023(N03) Triệu Đình Sơn (H6.401_LT Khoa ĐT-ĐL)			Ktra: Bộ biến đổi AC/DC-1-1-2023(N02) Nguyễn Văn Bảy (X23.308.Phòng học Đo lường)	Ktra: Điện tử cơ bản-1-1-2023(N07) Nguyễn Minh Khang (...)							Lý thuyết thống kê Trần Huy Quảng (H3.205)	Tài chính doanh nghiệp Đặng Thị Thu Hà (H3.206_Khoa SP-KT)		
		7																										
		8																										
		9																										
		10																										
Thứ 4 11/10	Sáng	1							Tiếng anh chuyên ngành Đoàn Mạnh Hà ()	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hương ()	Trang bị điện Triệu Đình Sơn (X23.303.Phòng học Điện cơ bản)	PLC cơ bản Nguyễn Văn Bảy (X23.307.Phòng học PLC - Rô bốt Công nghiệp)	Điện tử cơ bản Nguyễn Minh Khang (H6.302.TH. ĐTCS-KTCB)			Điện tử tương tự Phạm Đức Tùng ()	Bộ biến đổi AC/DC Lê Thị Thanh Tâm (H6.201.TH Khoa ĐT-ĐL)				Tiện Nguyễn Thị Hạnh (TT.Tiện- Phay- bào)			Kế toán doanh nghiệp I Lương Thị Hương (H3.207_Khoa SP-KT)	Tài chính doanh nghiệp Đặng Thị Thu Hà (H3.205)	Thống kê doanh nghiệp Trần Huy Quảng (H3.206_Khoa SP-KT)		
		2																										
		3																										
		4																										
		5																										
	Chiều	6	Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.201)	Máy điện Phan Thị Lý ()	Máy điện Nguyễn Anh Đức ()						Cụm chuyên đề Toán 3 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.307)	Địa lý 3 Dương Thị Hồng (H5.403)	Toán 3 Kim Thành Nam (H5.202)	Máy điện Nguyễn Việt Cường ()	Cụm chuyên đề Toán 3 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.307)	Địa lý 3 Dương Thị Hồng (H5.403)	Toán 3 Kim Thành Nam (H5.202)	Kỹ thuật số Hoàng Quyết Tiến ()		Điện tử tương tự Dương Thanh Huệ ()	Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.203)			Sinh học 3 Lê Thị Thảo (H5.204)	Sinh học 3 Lê Thị Thảo (H5.204)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.404)		
		7	Toán 3 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)								Toán 3 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.307)		Cụm chuyên đề Toán 3 Kim Thành Nam (H5.202)		Toán 3 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.307)	Vật lý 3 Nguyễn Thị Vân (H5.403)	Cụm chuyên đề Toán 3 Kim Thành Nam (H5.202)					Toán 3 Kim Thành Nam (H5.203)			Toán 3 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 3 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)			
		8									Vật lý 3 Nguyễn Thị Vân (H5.403)		Lịch sử 3 Lưu Yến Ngọc (H5.202)		Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.307)	Sinh học 3 Nguyễn Thị Quyên (H5.403)	Lịch sử 3 Lưu Yến Ngọc (H5.202)									Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.404)		
		9	Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)								Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.307)	Sinh học 3 Nguyễn Thị Quyên (H5.403)	Địa lý 3 Dương Thị Hồng (H5.202)		Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.307)		Địa lý 3 Dương Thị Hồng (H5.202)					Cụm chuyên đề Toán 3 Kim Thành Nam (H5.203)			Hóa học 3 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Hóa học 3 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)			
		10	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)								Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.307)															Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.404)		

LỚP			62TVĐC4	62TVĐC5_BX	62TVĐC6_BX	62TVĐC7_YL	62TVĐC8_YL	62TVĐC9_YL	62TVĐH1_YL	62TVĐH2_YL	62TVĐL1	62TVĐL2	62TVĐL3	62TVĐL4_VT	62TVĐT1	62TVĐT2	62TVĐT3	62TVĐT4_VT	62TVĐT5_VT	62TVĐT6_VT	62TVGK1	62TVHA1_LT	62TVHA2_LT	62TVKT1	62TVKT2	62TVKT3	62TVKT4_LT	62TVKT5_LT
THỨ	BUỔI	TIẾT																										
Thứ 5 12/10	Sáng	1							Tiếng anh chuyên ngành Đoàn Mạnh Hà ()	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hương ()	Trang bị điện Triệu Đình Sơn (X23.303.Phòng học Điện cơ bản)	PLC cơ bản Nguyễn Văn Bảy (X23.307.Phòng học PLC - Rô bốt Công nghiệp)	Điện tử cơ bản Nguyễn Minh Khang (H6.302.TH_ĐTCS-KTCB)			Điện tử tương tự Phạm Đức Tùng (H6.301.TH_ĐTCB-KTS)	Bộ biến đổi AC/DC Lê Thị Thanh Tâm (H6.201.TH Khoa ĐT-ĐL)				Tiện Nguyễn Thị Hạnh (TT.Tiện- Phay- bào)			Lý thuyết thống kê Trần Huy Quảng (H3.205)				
		2																										
		3																										
		4																										
		5																										
	Chiều	6	Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.201)								Sinh học 3 Lê Thị Thảo (H5.307)	Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.403)	Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.202)		Sinh học 3 Lê Thị Thảo (H5.307)	Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.403)	Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.202)				Vật lý 3 Nguyễn Hoài Anh (H5.203)			Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.204)	Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.204)	Địa lý 3 Trần Thị Thanh Hòa (H5.404)		
		7	Cụm chuyên đề Toán 3 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)																					Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.204)	Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.204)			
		8	Toán 3 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)								Địa lý 3 Trần Thị Thanh Hòa (H5.307)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.403)	Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)		Địa lý 3 Trần Thị Thanh Hòa (H5.307)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.403)	Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)				Sinh học 3 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)			Toán 3 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 3 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.404)		
		9	Hóa học 3 Nguyễn Thị Tuyến (H5.201)									Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lưu Thị Thuỷ (H5.403)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)			Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lưu Thị Thuỷ (H5.403)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)				Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.203)			Cụm chuyên đề Toán 3 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Cụm chuyên đề Toán 3 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.404)		
		10									Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.307)	Lịch sử 3 Lưu Thị Thuỷ (H5.403)			Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.307)	Lịch sử 3 Lưu Thị Thuỷ (H5.403)					Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.203)							
Thứ 6 13/10	Sáng	1							Tiếng anh chuyên ngành Đoàn Mạnh Hà ()	Tiếng anh chuyên ngành Nguyễn Thị Hương ()	Trang bị điện Triệu Đình Sơn (X23.303.Phòng học Điện cơ bản)	PLC cơ bản Nguyễn Văn Bảy (X23.307.Phòng học PLC - Rô bốt Công nghiệp)	Điện tử cơ bản Nguyễn Minh Khang (H6.302.TH_ĐTCS-KTCB)		Trang bị điện Nguyễn Đức Thịnh (H3.109_THĐT)														Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang ()	Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang ()
		2																										
		3																										
		4																										
		5																										
	Chiều	6	Địa lý 3 Phạm Thị Hiền (H5.201)		Máy điện Phan Thị Lý ()						Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Hạnh (H5.403)	Sinh học 3 Lê Thị Thảo (H5.202)	Máy điện Nguyễn Việt Cường ()	Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Hạnh (H5.403)	Sinh học 3 Lê Thị Thảo (H5.202)	Kỹ thuật số Hoàng Quyết Tiến ()	Kỹ thuật số Nguyễn Văn Chiều ()	Điện tử tương tự Dương Thanh Huệ ()	Địa lý 3 Nguyễn Thị Tình (H5.203)			Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Lịch sử 3 Lưu Thị Thuỷ (H5.404)		
		7										Cụm chuyên đề Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.403)				Cụm chuyên đề Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.403)										Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lưu Thị Thuỷ (H5.404)		
		8	Sinh học 3 Lê Thị Thảo (H5.201)								Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.307)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Hạnh (H5.403)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.202)		Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.307)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Hạnh (H5.403)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.202)				Sinh học 3 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)			Địa lý 3 Nguyễn Thị Tình (H5.204)	Địa lý 3 Nguyễn Thị Tình (H5.204)	Cụm chuyên đề Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.404)	Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang ()	Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang ()
		9	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)								Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.307)				Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.307)						Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)			Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)			
		10										Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.403)	Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)			Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.403)	Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)				Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)			Địa lý 3 Nguyễn Thị Tình (H5.204)	Địa lý 3 Nguyễn Thị Tình (H5.204)	Sinh học 3 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)		
Thứ 7 14/10	Sáng	1												Máy điện Nguyễn Việt Cường ()				Kỹ thuật số Hoàng Quyết Tiến ()	Kỹ thuật số Nguyễn Văn Chiều ()	Điện tử tương tự Dương Thanh Huệ ()							Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang ()	Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang ()
		2																										
		3																										
		4																										
		5																										
	Chiều	6	Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.402)								Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lưu Yến Ngọc (H5.101)	Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.403)	Toán 3 Kim Thành Nam (H5.107)	Máy điện Nguyễn Việt Cường ()	Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lưu Yến Ngọc (H5.101)	Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.403)	Toán 3 Kim Thành Nam (H5.107)	Kỹ thuật số Hoàng Quyết Tiến ()	Kỹ thuật số Nguyễn Văn Chiều ()		Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)			Vật lý 3 Nguyễn Hoài Anh (H5.102)	Vật lý 3 Nguyễn Hoài Anh (H5.102)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.404)		
		7	Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.402)								Lịch sử 3 Lưu Yến Ngọc (H5.101)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Hạnh (H5.403)			Lịch sử 3 Lưu Yến Ngọc (H5.101)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Hạnh (H5.403)										Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.404)		
		8	Sinh học 3 Lê Thị Thảo (H5.402)								Toán 3 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.101)	Vật lý 3 Nguyễn Thị Vân (H5.403)	Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lưu Yến Ngọc (H5.107)		Toán 3 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.101)	Vật lý 3 Nguyễn Thị Vân (H5.403)	Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lưu Yến Ngọc (H5.107)				Toán 3 Kim Thành Nam (H5.203)			Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.102)	Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.102)		Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang ()	Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang ()
		9	Sinh hoạt lớp ()								Sinh hoạt lớp ()	Sinh hoạt lớp ()	Sinh hoạt lớp ()		Sinh hoạt lớp ()	Sinh hoạt lớp ()	Sinh hoạt lớp ()				Sinh hoạt lớp ()			Sinh hoạt lớp ()	Sinh hoạt lớp ()	Sinh hoạt lớp ()		
		10	Chào cờ ()								Chào cờ ()	Chào cờ ()	Chào cờ ()		Chào cờ ()	Chào cờ ()	Chào cờ ()							Chào cờ ()	Chào cờ ()	Chào cờ ()		

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024
Tuần 10: Từ 09/10 Đến 15/10/2023

LỚP			62TVLG1	62TVLG2	62TVMT1	62TVMT2_BX	62TVMT3_BX	62TVQM1	62TVQM2	62TVQM3	62TVS1	62TVS2	62TVS3	62TVVP1	62TVVP2	62TVVP3	62TVVP4_BX	63CĐC1	63CĐL1	63CĐT1	63CGK1	63CKT1	63CS1	63CTT1	63TĐC1	63TĐC1A	63TĐC2	63TĐC3
THỨ	BUỔI	TIẾT																										
Thứ 2 09/10	Sáng	1	Nhận xuất hàng Phạm Văn Úc (Xưởng TH Cơ giới)	Quản lý thiết bị Đặng Đình Hiên (Bãi TH_Khoa Cơ giới)				Tiếng anh chuyên ngành Lê Thị Châm (H3.103)	Tiếng anh chuyên ngành Quách Thu Thảo (H2.301_TH LR Máy tính)	Lắp ráp và cài đặt máy tính Tạ Ngọc Dũng (H3.201_TH KTXS)	Tách: Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2-1-1-2023(N03) Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3) Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2-1-1-2023(N04) Nguyễn Thành Trung (X11.207.PHÒNG HỌC NHIÊN LIỆU ĐỘNG CƠ + SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỢP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Trần Xuân Phương (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Lắp ráp và cài đặt máy tính Lê Xuân Chung (H2.302_TH QTM)	Bảo trì máy tính Nguyễn Văn Trính (H3.111_TH THCB)		Tách: Kỹ thuật điện-1-1-2023(N01) Phan Thị Lý (...)	Kỹ thuật điện Nguyễn Thị Thanh Thúy (X23.302.Phòng học Máy điện)	Khí cụ điện – điện tử Lê Kiên Cường (H3.108.TH LĐĐ)	Vẽ kĩ thuật Bùi Thị Len ()	Lý thuyết tài chính tiền tệ Bùi Thu Trang (H3.207_Khoa SP-KT)		Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Kim Thị Thương (H3.204.TH KHOA TIN)		Tiếng anh 1 Trần Thu Hường (H3.101)		
		2																										
		3																										
		4																										
		5																										
	Chiều	6	Nhận xuất hàng Phạm Văn Úc (Xưởng TH Cơ giới)		Bảo trì máy tính Nguyễn Văn Trính (H3.111_TH THCB)	Bảo trì máy tính Nguyễn Tuấn Hưng ()	Lắp ráp và cài đặt máy tính Phùng Ngọc Hùng ()	Tiếng anh chuyên ngành Lê Thị Châm (H3.103)					Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo trì máy tính Lê Hoàng (H3.204.TH KHOA TIN)	Tiếng anh chuyên ngành Vũ Lệ Thu (H2.302_TH QTM)			Tách: Kỹ thuật điện-1-1-2023(N01) (...) Kỹ thuật điện-1-1-2023(N02) Trần Thị Thơm (...)					Tách: Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-2023(N01) Bạch Trọng Hưng (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2) Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-2023(N02) Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỢP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SẢNH TẦNG 3)		Toán 1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.204)		Cụm chuyên đề toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)	Cụm chuyên đề toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)
		7																							Cụm chuyên đề toán 1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.204)			
		8																							Địa lý 1 Phạm Thị Hiên (H5.204)	Vật lý 1 Lê Đức Quảng (H5.402)	Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)	Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)
		9																							Vật lý 1 Nguyễn Thị Vân (H5.204)		Địa lý 1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.203)	Địa lý 1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.203)
		10																								Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.402)		
Thứ 3 10/10	Sáng	1	Nhận xuất hàng Phạm Văn Úc (Xưởng TH Cơ giới)	Quản lý thiết bị Đặng Đình Hiên (Bãi TH_Khoa Cơ giới)				Tiếng anh chuyên ngành Lê Thị Châm (H3.103)	Tiếng anh chuyên ngành Quách Thu Thảo (H2.301_TH LR Máy tính)	Lắp ráp và cài đặt máy tính Tạ Ngọc Dũng (H3.201_TH KTXS)	Tách: Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2-1-1-2023(N03) Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3) Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2-1-1-2023(N04) Nguyễn Thành Trung (X11.207.PHÒNG HỌC NHIÊN LIỆU ĐỘNG CƠ + SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỢP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Trần Xuân Phương (H2.102_TH Tin Ứng dụng)		Bảo trì máy tính Nguyễn Văn Trính (H3.111_TH THCB)		Tách: Kỹ thuật điện-1-1-2023(N01) Phan Thị Lý (...)	Kỹ thuật điện Nguyễn Thị Thanh Thúy (X23.302.Phòng học Máy điện)	Khí cụ điện – điện tử Lê Kiên Cường (H3.108.TH LĐĐ)	Vẽ kĩ thuật Bùi Thị Len ()				Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX1)	Tiếng anh 1 Trần Thu Hường (H3.101)		
		2																										
		3																										
		4																										
		5																										
	Chiều	6	Nhận xuất hàng Phạm Văn Úc (Xưởng TH Cơ giới)		Bảo trì máy tính Nguyễn Văn Trính (H3.111_TH THCB)	Bảo trì máy tính Nguyễn Tuấn Hưng ()		Tiếng anh chuyên ngành Lê Thị Châm (H3.103)					Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo trì máy tính Lê Hoàng (H3.204.TH KHOA TIN)	Lắp ráp và cài đặt máy tính Lê Xuân Chung (H2.302_TH QTM)			Tách: Kỹ thuật điện-1-1-2023(N01) (...) Kỹ thuật điện-1-1-2023(N02) Trần Thị Thơm (...)					Tách: Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-2023(N01) Bạch Trọng Hưng (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2) Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-2023(N02) Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỢP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SẢNH TẦNG 3)	Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	Địa lý 1 Phạm Thị Hiên (H5.204)	Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.402)	Sinh học 1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Sinh học 1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)
		7																							Cụm chuyên đề Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.204)			
		8																							Hóa học 1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.204)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)	Cụm chuyên đề Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)	Cụm chuyên đề Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)
		9																									Hóa học 1 Nguyễn Thu Trang (H5.203)	Hóa học 1 Nguyễn Thu Trang (H5.203)
		10																							Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.204)			
Thứ 4 11/10	Sáng	1		Quản lý thiết bị Đặng Đình Hiên (Bãi TH_Khoa Cơ giới)						Lắp ráp và cài đặt máy tính Tạ Ngọc Dũng (H3.201_TH KTXS)	Tách: Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2-1-1-2023(N03) Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3) Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2-1-1-2023(N04) Nguyễn Thành Trung (X11.207.PHÒNG HỌC NHIÊN LIỆU ĐỘNG CƠ + SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỢP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo trì máy tính Lê Hoàng (H3.204.TH KHOA TIN)	Tiếng anh chuyên ngành Vũ Lệ Thu (H2.302_TH QTM)	Bảo trì máy tính Nguyễn Văn Trính (H3.111_TH THCB)		Tách: Kỹ thuật điện-1-1-2023(N02) Phan Thị Lý (...)	Kỹ thuật điện Nguyễn Thị Thanh Thúy (X23.302.Phòng học Máy điện)	Khí cụ điện – điện tử Lê Kiên Cường (H3.108.TH LĐĐ)	Vẽ kĩ thuật Bùi Thị Len ()				Chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.101)	Tiếng anh 1 Trần Thu Hường (H3.103)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX1)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX1)
		2																										
		3																										
		4																										
		5																										
	Chiều	6	Địa lý 3 Phạm Thị Hiên (H5.306)	Địa lý 3 Phạm Thị Hiên (H5.306)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.404)	Bảo trì máy tính Nguyễn Tuấn Hưng ()	Lắp ráp và cài đặt máy tính Phùng Ngọc Hùng ()	Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lưu Yến Ngọc (H5.301)	Sinh học 3 Nguyễn Thị Quyên (H5.406)	Toán 3 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.302)	Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.203)	Cụm chuyên đề Toán 3 Nguyễn Thị Huyền (H5.303)	Cụm chuyên đề Toán 3 Nguyễn Thị Huyền (H5.303)	Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lưu Yến Ngọc (H5.301)	Sinh học 3 Nguyễn Thị Quyên (H5.406)	Toán 3 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.302)	Soạn thảo văn bản điện tử Tạ Ngọc Dũng ()	Tách: Kỹ thuật điện-1-1-2023(N01) (...) Kỹ thuật điện-1-1-2023(N02) Trần Thị Thơm (...)					Tách: Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-2023(N01) Bạch Trọng Hưng (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2) Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-2023(N02) Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỢP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SẢNH TẦNG 3)	Cơ sở dữ liệu Phùng Thị Minh Phương (H3.211_TH Tin Đại cương)		Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.402)		
		7						Lịch sử 3 Lưu Yến Ngọc (H5.301)				Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.303)															
		8	Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.306)	Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.306)	Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.404)			Địa lý 3 Dương Thị Hồng (H5.301)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.406)	Địa lý 3 Phạm Thị Hiên (H5.302)	Toán 3 Kim Thành Nam (H5.203)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.303)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.303)	Địa lý 3 Dương Thị Hồng (H5.301)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.406)	Địa lý 3 Phạm Thị Hiên (H5.302)											Tiếng anh 1 Trần Thu Hường (H3.101)	Tiếng anh 1 Nguyễn Hồng Yến (H3.104)
		9	Cụm chuyên đề Toán 3 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Cụm chuyên đề Toán 3 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)				Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.301)	Cụm chuyên đề Toán 3 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.406)	Vật lý 3 Nguyễn Thị Vân (H5.302)		Sinh học 3 Lê Thị Thảo (H5.303)	Sinh học 3 Lê Thị Thảo (H5.303)	Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.301)	Cụm chuyên đề Toán 3 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.406)	Vật lý 3 Nguyễn Thị Vân (H5.302)											Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)		
		10	Toán 3 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Toán 3 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.404)			Toán 3 Nguyễn Quốc Khánh (H5.301)	Toán 3 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.406)		Cụm chuyên đề Toán 3 Kim Thành Nam (H5.203)			Toán 3 Nguyễn Quốc Khánh (H5.301)	Toán 3 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.406)														

LỚP			62TVLG1	62TVLG2	62TVMT1	62TVMT2_BX	62TVMT3_BX	62TVQM1	62TVQM2	62TVQM3	62TVS1	62TVS2	62TVS3	62TVVP1	62TVVP2	62TVVP3	62TVVP4_BX	63CĐC1	63CĐL1	63CĐT1	63CGK1	63CKT1	63CS1	63CTT1	63TĐC1	63TĐC1A	63TĐC2	63TĐC3
THỨ	BUỔI	TIẾT																											
Thứ 5 12/10	Sáng	1									Tách: Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2-1-1-2023(N03) Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÂNH TẦNG 3) Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2-1-1-2023(N04) Nguyễn Thành Trung (X11.207.PHÒNG HỌC NHIÊN LIỆU ĐỘNG CƠ + SÂNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỢP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SÂNH TẦNG 3)			Tiếng anh chuyên ngành Vũ Lệ Thu (H2.302_TH QTM)		Tách: Kỹ thuật điện-1-1-2023(N01) Phan Thị Lý (...)	Kỹ thuật điện Nguyễn Thị Thanh Thúy (X23.302.Phòng học Máy điện)	Khí cụ điện – điện tử Lê Kiên Cường (H3.108.TH LĐĐ)	Vẽ kĩ thuật Bùi Thị Len ()	Lý thuyết tài chính tiền tệ Bùi Thu Trang (H3.207_Khoa SP-KT)		Cơ sở dữ liệu Phùng Thị Minh Phương (H3.204.TH KHOA TIN)		Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.402)		Ngữ văn 1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.401)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.401)
		2		Quản lý thiết bị Đặng Đình Hiển (Bãi TH_Khoa Cơ giới)																									
		3																											
		4																											
		5																											
	Chiều	6	Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	Địa lý 3 Trần Thị Thanh Hòa (H5.404)		Lắp ráp và cài đặt máy tính Phùng Ngọc Hùng ()	Cụm chuyên đề Toán 3 Nguyễn Quốc Khánh (H5.301)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.406)	Sinh học 3 Nguyễn Thị Hợp (H5.302)	Vật lý 3 Nguyễn Hoài Anh (H5.203)	Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Cụm chuyên đề Toán 3 Nguyễn Quốc Khánh (H5.301)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.406)	Sinh học 3 Nguyễn Thị Hợp (H5.302)	Soạn thảo văn bản điện tử Tạ Ngọc Dũng ()	Tách: Kỹ thuật điện-1-1-2023(N01) (...) Kỹ thuật điện-1-1-2023(N02) Trần Thị Thơm (...)				Tách: Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-2023(N01) Bạch Trọng Hưng (X11.209_TH Động cơ + SÂNH TẦNG 2) Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-2023(N02) Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỢP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SÂNH TẦNG 3)		Tiếng anh 1 Hà Ngọc Tân (H3.103)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX1)	Chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H3.101)	Chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H3.101)
		7	Lịch sử 3 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	Lịch sử 3 Lưu Yến Ngọc (H5.306)				Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.301)				Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.303)	Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.303)															
		8	Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.306)	Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.306)	Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.404)			Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.301)	Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lưu Thị Thuỷ (H5.406)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Thanh Thúy (H5.302)	Sinh học 3 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)			Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.301)	Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lưu Thị Thuỷ (H5.406)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Thanh Thúy (H5.302)												
		9	Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.306)	Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.306)	Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.404)			Toán 3 Nguyễn Quốc Khánh (H5.301)	Vật lý 3 Nguyễn Hoài Anh (H5.406)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Thanh Thúy (H5.302)	Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.203)	Toán 3 Nguyễn Thị Huyền (H5.303)	Toán 3 Nguyễn Thị Huyền (H5.303)	Toán 3 Nguyễn Quốc Khánh (H5.301)	Vật lý 3 Nguyễn Hoài Anh (H5.406)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Thanh Thúy (H5.302)												
		10									Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.203)																	
Thứ 6 13/10	Sáng	1									Tách: Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2-1-1-2023(N03) Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÂNH TẦNG 3) Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2-1-1-2023(N04) Nguyễn Thành Trung (X11.207.PHÒNG HỌC NHIÊN LIỆU ĐỘNG CƠ + SÂNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỢP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SÂNH TẦNG 3)			Lắp ráp và cài đặt máy tính Lê Xuân Chung (H2.302_TH QTM)		Tách: Kỹ thuật điện-1-1-2023(N01) Phan Thị Lý (...) Kỹ thuật điện-1-1-2023(N02) Trần Thị Thơm (...)	Kỹ thuật điện Nguyễn Thị Thanh Thúy (X23.302.Phòng học Máy điện)	Khí cụ điện – điện tử Lê Kiên Cường (H3.108.TH LĐĐ)	Kĩ thuật đo lường Đặng Đình Hiển (X10.07_ Xưởng TH Khoa Cơ khí)	Lý thuyết thống kê Trần Huy Quảng (H3.207_Khoa SP-KT)			Sinh học 1 Lê Thị Thảo (H5.204)		Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)	Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)
		2							Tiếng anh chuyên ngành Quách Thu Thảo (H2.301_TH LR Máy tính)																		Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)	Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)
		3																							Ngữ văn 1 Trần Thị Kim Liên (H5.204)		Ngữ văn 1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)
		4																							Toán 1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.204)		Vật lý 1 Nguyễn Hoài Anh (H5.203)	Vật lý 1 Nguyễn Hoài Anh (H5.203)
		5																										
	Chiều	6	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Lịch sử 3 Lưu Thị Thuỷ (H5.404)			Hóa học 3 Trịnh Thị Phong Lan (H5.301)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.406)	Cụm chuyên đề Toán 3 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.302)	Địa lý 3 Nguyễn Thị Tính (H5.203)	Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Hóa học 3 Trịnh Thị Phong Lan (H5.301)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.406)	Cụm chuyên đề Toán 3 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.302)	Soạn thảo văn bản điện tử Tạ Ngọc Dũng ()	Tách: Kỹ thuật điện-1-1-2023(N01) (...) Kỹ thuật điện-1-1-2023(N02) Trần Thị Thơm (...)				Tách: Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-2023(N01) Bạch Trọng Hưng (X11.209_TH Động cơ + SÂNH TẦNG 2) Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-1-2023(N02) Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỢP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SÂNH TẦNG 3)	Cơ sở dữ liệu Phùng Thị Minh Phương (H3.211_TH Tin Đại cương)	Tiếng anh 1 Hà Ngọc Tân (H3.101)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX1)		
		7														Toán 3 Nguyễn Thị Hồng Nhung (H5.302)												
		8	Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Cụm chuyên đề Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.404)			Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.301)	Lịch sử 3 Lưu Thị Thuỷ (H5.406)	Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.302)	Sinh học 3 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Toán 3 Nguyễn Thị Huyền (H5.303)	Toán 3 Nguyễn Thị Huyền (H5.303)	Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.301)	Lịch sử 3 Lưu Thị Thuỷ (H5.406)	Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.302)												
		9	Toán 3 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Toán 3 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Sinh học 3 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)			Sinh học 3 Lê Thị Thảo (H5.301)	Toán 3 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.406)	Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.302)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lưu Thị Thuỷ (H5.303)	Cụm chuyên đề Lịch sử 3 Lưu Thị Thuỷ (H5.303)	Sinh học 3 Lê Thị Thảo (H5.301)	Toán 3 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.406)	Lịch sử 3 Lê Thị Quyên (H5.302)												
		10								Địa lý 3 Phạm Thị Hiền ()	Cụm chuyên đề Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Lịch sử 3 Lưu Thị Thuỷ (H5.303)	Lịch sử 3 Lưu Thị Thuỷ (H5.303)			Địa lý 3 Phạm Thị Hiền ()												
Thứ 7 14/10	Sáng	1																										
		2																										
		3																										
		4																										
		5																										
	Chiều	6	Sinh học 3 Nguyễn Thị Hợp (H5.103)	Sinh học 3 Nguyễn Thị Hợp (H5.103)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.404)			Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.407)	Địa lý 3 Phạm Thị Hiền (H5.406)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.401)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Địa lý 3 Dương Thị Hồng (H5.104)	Địa lý 3 Dương Thị Hồng (H5.104)	Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.407)	Địa lý 3 Phạm Thị Hiền (H5.406)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.401)									Cụm chuyên đề Vật lý 1 Nguyễn Thị Vân (H5.204)			
		7			Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.404)																							
		8	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.103)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.103)				Địa lý 3 Dương Thị Hồng (H5.407)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.406)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Thanh Thúy (H5.401)	Toán 3 Kim Thành Nam (H5.203)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.104)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.104)	Địa lý 3 Dương Thị Hồng (H5.407)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.406)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Thanh Thúy (H5.401)									Ngữ văn 1 Trần Thị Kim Liên (H5.204)			
		9	Sinh hoạt lớp ()	Sinh hoạt lớp ()	Sinh hoạt lớp ()			Sinh hoạt lớp ()	Sinh hoạt lớp ()	Sinh hoạt lớp ()	Sinh hoạt lớp ()	Sinh hoạt lớp ()	Sinh hoạt lớp ()	Sinh hoạt lớp ()	Sinh hoạt lớp ()	Sinh hoạt lớp ()												
		10			Chào cờ ()			Chào cờ ()	Chào cờ ()	Chào cờ ()	Chào cờ ()	Chào cờ ()	Chào cờ ()	Chào cờ ()	Chào cờ ()	Chào cờ ()												

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024
Tuần 10: Từ 09/10 Đến 15/10/2023

LỚP			63TĐL1	63TĐL1A	63TĐL2	63TĐT1	63TĐT2	63TGK1	63TGK1A	63TGK2A	63TKT1	63TKT2	63TKT3	63TMT1	63TMT1A	63TQM1	63TQM1A	63TQM2	63TQM3	63TQM4	63TS1	63TS2	63TS3	63TS4	63TVP1	63TVP2	63TVP3	63TVP4
THỨ	BUỔI	TIẾT																										
Thứ 2 09/10	Sáng	1	Tin học Vũ Lệ Thu (H2.203_TH Tin Đại cương)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX1)	Tin học Hoàng Tùng (H3.203_TH Máy tính)	Tin học Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.209.TH Tin học)	Tin học Nguyễn Tuấn Hưng (H3.110_TH THCB)		Vật liệu cơ khí Đỗ Anh Tuấn (X10.101_PHLT Khoa CK)						Tin học Phùng Thị Minh Phương (H3.211_TH Tin Đại cương)				Pháp luật Lương Thị Ngọc Hà (H3.106)	Pháp luật Lương Thị Ngọc Hà (H3.106)							Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Nguyễn Thị Hường (H3.105)
		2																										
		3																										
		4																										
		5																										
	Chiều	6		Toán 1 Nguyễn Văn Trường (H5.401)				Toán 1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.204)	Hóa học 1 Trần Thị Hằng (H5.407)	Hóa học 1 Trần Thị Hằng (H5.407)	Vật lý 1 Nguyễn Hoài Anh (H5.303)	Địa lý 1 Phạm Thị Hiên (H5.302)	Địa lý 1 Phạm Thị Hiên (H5.302)	VH_Tin học 1 Quách Thu Thảo (H5.306)	Toán 1 Nguyễn Thị Huyền (H5.406)	Ngữ văn 1 Tạ Thị Bích Hồng (H5.201)	Toán 1 Nguyễn Thị Huyền (H5.406)	Ngữ văn 1 Tạ Thị Bích Hồng (H5.201)	Sinh học 1 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	Sinh học 1 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	Cụm chuyên đề toán 1 Hà Thị Duyên (H5.202)	Cụm chuyên đề toán 1 Hà Thị Duyên (H5.202)	Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.307)	Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.307)	VH_Tin học 1 Quách Thu Thảo (H5.306)	Địa lý 1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.304)	Địa lý 1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.304)	Vật lý 1 Nguyễn Hoài Anh (H5.303)
		7						Cụm chuyên đề toán 1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.204)				Vật lý 1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	Vật lý 1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)								Toán 1 Hà Thị Duyên (H5.202)	Toán 1 Hà Thị Duyên (H5.202)	Ngữ văn 1 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)	Ngữ văn 1 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)				
		8						Địa lý 1 Phạm Thị Hiên (H5.204)	Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.407)	Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.407)	Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)			Hóa học 1 Trần Thị Hằng (H5.306)					Cụm chuyên đề Vật lý 1 Phạm Thanh Mai (H5.301)	Cụm chuyên đề Vật lý 1 Phạm Thanh Mai (H5.301)						Hóa học 1 Trần Thị Hằng (H5.306)	Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)	Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)	Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)
		9						Vật lý 1 Nguyễn Thị Vân (H5.204)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.407)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.407)	VH_Tin học 1 Quách Thu Thảo (H5.303)	Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)	Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)	Sinh học 1 Nguyễn Thị Quyên (H5.306)		Toán 1 Nguyễn Thị Hồng (H5.201)		Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)			Ngữ văn 1 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Ngữ văn 1 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Địa lý 1 Phạm Thị Hiên (H5.307)	Địa lý 1 Phạm Thị Hiên (H5.307)	Sinh học 1 Nguyễn Thị Quyên (H5.306)	Cụm chuyên đề Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.304)	Cụm chuyên đề Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.304)	VH_Tin học 1 Quách Thu Thảo (H5.303)
		10										Ngữ văn 1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)			Cụm chuyên đề toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)		Cụm chuyên đề toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)	Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.301)	Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.301)					Cụm chuyên đề toán 1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)	Cụm chuyên đề toán 1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)	
Thứ 3 10/10	Sáng	1	Tin học Vũ Lệ Thu (H2.203_TH Tin Đại cương)	Tiếng anh 1 Hà Ngọc Tân (H3.104)		Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX2)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX2)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX1)	Vật liệu cơ khí Đỗ Anh Tuấn (X10.101_PHLT Khoa CK)			Tin học Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)			Tin học Phùng Thị Minh Phương (H3.211_TH Tin Đại cương)			Tiếng anh 1 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.106)	Tiếng anh 1 Nguyễn Thị Nhàn (H3.205)								Tin học Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Nguyễn Thị Hường (H3.105)
		2																										
		3																										
		4																										
		5																										
	Chiều	6		Vật lý 1 Lê Đức Quảng (H5.403)				Địa lý 1 Phạm Thị Hiên (H5.204)	Toán 1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.407)	Toán 1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.407)	Hóa học 1 Trần Thị Hằng (H5.303)	Hóa học 1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)	Hóa học 1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	VH_Tin học 1 Phan Hoàng Lan (H5.201)	Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	VH_Tin học 1 Phan Hoàng Lan (H5.201)	VH_Tin học 1 Nguyễn Thị Hường (H5.301)	VH_Tin học 1 Nguyễn Thị Hường (H5.301)	Cụm chuyên đề Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	Cụm chuyên đề Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	Hóa học 1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.307)	Hóa học 1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.307)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.304)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.304)	Hóa học 1 Trần Thị Hằng (H5.303)
		7						Cụm chuyên đề Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.204)						Địa lý 1 Nguyễn Thị Tình (H5.306)							Địa lý 1 Dương Thị Hồng (H5.202)	Địa lý 1 Dương Thị Hồng (H5.202)			Địa lý 1 Nguyễn Thị Tình (H5.306)			
		8						Hóa học 1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.204)			Toán 1 Kim Thành Nam (H5.303)	VH_Tin học 1 Vũ Lệ Thu (H5.302)	VH_Tin học 1 Vũ Lệ Thu (H5.302)			Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.201)		Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.201)	Địa lý 1 Phạm Thị Hiên (H5.301)	Địa lý 1 Phạm Thị Hiên (H5.301)			Ngữ văn 1 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)	Ngữ văn 1 Lê Thị Tố Quyên (H5.307)		Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.304)	Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.304)	Toán 1 Kim Thành Nam (H5.303)
		9							Ngữ Văn 1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.407)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.407)	Địa lý 1 Dương Thị Hồng (H5.303)			Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.306)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.406)	Địa lý 1 Nguyễn Thị Tình (H5.201)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.406)	Địa lý 1 Nguyễn Thị Tình (H5.201)			Toán 1 Hà Thị Duyên (H5.202)	Toán 1 Hà Thị Duyên (H5.202)	Sinh học 1 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)	Sinh học 1 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)	Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.306)	VH_Tin học 1 Phan Hoàng Lan (H5.304)	VH_Tin học 1 Phan Hoàng Lan (H5.304)	Địa lý 1 Dương Thị Hồng (H5.303)
		10		Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.403)				Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.204)				Địa lý 1 Phạm Thị Hiên (H5.302)	Địa lý 1 Phạm Thị Hiên (H5.302)	Cụm chuyên đề Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.306)							Ngữ văn 1 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Ngữ văn 1 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)			Cụm chuyên đề Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.306)			
Thứ 4 11/10	Sáng	1	Chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H3.105)	Tiếng anh 1 Hà Ngọc Tân (H3.104)	Chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H3.105)	Tin học Nguyễn Tuấn Mạnh (H2.203_TH Tin Đại cương)	Tin học Nguyễn Tuấn Hưng (H3.110_TH THCB)	Chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.101)	Vật liệu cơ khí Đỗ Anh Tuấn (X10.101_PHLT Khoa CK)	An toàn lao động Quách Hữu Việt (X10.203_PHLT Khoa CK)		Tin học Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Tin học Phùng Ngọc Hùng (H3.203_TH Máy tính)	An toàn và môi trường Tạ Văn Khoa (H2.301_TH LR Máy tính)		Chính trị Lê Thanh Tâm (H5.101)	Tin học Lê Thị Châm (H3.211_TH Tin Đại cương)	Chính trị Lê Thanh Tâm (H5.101)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX2)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX2)						Tin học Trần Xuân Phương (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Tin học Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Nguyễn Thị Hường (H3.106)
		2																										
		3																										
		4																										
		5																										
	Chiều	6							Hóa học 1 Trần Thị Hằng (H5.407)	Hóa học 1 Trần Thị Hằng (H5.407)	Tin học Lê Xuân Chung (H2.203_TH Tin Đại cương)				Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.104)		Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.104)		Chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.103)	Chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.103)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX3)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX3)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX2)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX2)	Tin học Phan Hoàng Lan (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Tin học Trần Xuân Phương (H2.102_TH Tin Ứng dụng)		
		7																										
		8							Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.407)	Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.407)					Hóa học 1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.104)		Hóa học 1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.104)											
		9													Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.104)		Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.104)											
		10																										

LỚP			63TĐL1	63TĐL1A	63TĐL2	63TĐT1	63TĐT2	63TGK1	63TGK1A	63TGK2A	63TKT1	63TKT2	63TKT3	63TMT1	63TMT1A	63TQM1	63TQM1A	63TQM2	63TQM3	63TQM4	63TS1	63TS2	63TS3	63TS4	63TVP1	63TVP2	63TVP3	63TVP4
THỨ	BUỔI	TIẾT																										
Thứ 5 12/10	Sáng	1	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX1)	Tiếng anh 1 Hà Ngọc Tân (H3.104)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX1)	Tin học Nguyễn Tuấn Mạnh (H2.203_TH Tin Đại cương)	Tin học Nguyễn Tuấn Hưng (H3.110_TH THCB)		Vật liệu cơ khí Đỗ Anh Tuấn (X10.101_PHLT Khoa CK)	An toàn lao động Quách Hữu Việt (X10.203_PHLT Khoa CK)		Tin học Lê Sơn Thảo (H3.211_TH Tin Đại cương)	Tin học Phùng Ngọc Hùng (H3.203_TH Máy tính)	An toàn và môi trường Tạ Văn Khoa (H2.301_TH LR Máy tính)		Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX2)	Tin học Lê Thị Chăm (H3.111_TH THCB)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (SAN TAP_KTX2)	Tiếng anh 1 Nguyễn Thị Nhàn (H3.103)		Chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.101)	Chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.101)	Pháp luật Nguyễn Thị Hoàn (H3.105)	Pháp luật Nguyễn Thị Hoàn (H3.105)	Tin học Phan Hoàng Lan (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Tin học Trần Xuân Phương (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Tin học Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo Nguyễn Thị Hường (H3.106)
		2																										
		3																										
		4																										
		5																										
	Chiều	6		Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.401)				Tiếng anh 1 Hà Ngọc Tân (H3.103)		An toàn lao động Quách Hữu Việt (X10.203_PHLT Khoa CK)	Tin học Lê Xuân Chung (H2.203_TH Tin Đại cương)				Tin học Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.203_TH Máy tính)	Pháp luật Lê Thanh Tâm (H3.105)	Tin học Lê Thị Chăm (H3.111_TH THCB)	Pháp luật Lê Thanh Tâm (H3.105)		Tiếng anh 1 Trịnh Thị Kim Thu (H3.104)						Tin học Phan Hoàng Lan (H3.210_TH Tin Ứng dụng)			
		7																										
		8		Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.401)																								
		9																										
		10																										
Thứ 6 13/10	Sáng	1		Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (SAN TAP_KTX1)		Chính trị Lê Thanh Tâm (H3.105)	Chính trị Lê Thanh Tâm (H3.105)	Sinh học 1 Lê Thị Thảo (H5.204)			Ngữ văn 1 Trần Thị Kim Liên (H5.303) Cụm chuyên đề Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Cụm chuyên đề Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.302) Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.302)	Cụm chuyên đề Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.302) Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.302)	Cụm chuyên đề toán 1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306) Toán 1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)		Vật lý 1 Chu Thị Tính (H5.201)		Vật lý 1 Chu Thị Tính (H5.201)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.301)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.301)	Hóa học 1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.202)	Hóa học 1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.202)	Cụm chuyên đề Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.307) Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Cụm chuyên đề Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.307) Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Cụm chuyên đề toán 1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306) Toán 1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)	Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304) Sinh học 1 Lê Thị Thảo (H5.304)	Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304) Sinh học 1 Lê Thị Thảo (H5.304)	Ngữ văn 1 Trần Thị Kim Liên (H5.303) Cụm chuyên đề Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)
		2																										
		3						Ngữ văn 1 Trần Thị Kim Liên (H5.204)			Cụm chuyên đề toán 1 Kim Thành Nam (H5.303)	Cụm chuyên đề toán 1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)	Cụm chuyên đề toán 1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)	Hóa học 1 Trần Thị Hằng (H5.306)		Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)		Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.201)	Cụm chuyên đề Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.301)	Cụm chuyên đề Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.301)	Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	Cụm chuyên đề toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Cụm chuyên đề toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Hóa học 1 Trần Thị Hằng (H5.306)			Cụm chuyên đề toán 1 Kim Thành Nam (H5.303)
		4						Toán 1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.204)			Toán 1 Kim Thành Nam (H5.303)	Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)	Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)					Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.301)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.301)	Cụm chuyên đề Vật lý 1 Phạm Thanh Mai (H5.202)	Cụm chuyên đề Vật lý 1 Phạm Thanh Mai (H5.202)	Cụm chuyên đề Vật lý 1 Chu Thị Tính (H5.307)	Cụm chuyên đề Vật lý 1 Chu Thị Tính (H5.307)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.304)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.304)	Toán 1 Kim Thành Nam (H5.303)
		5														Ngữ văn 1 Tạ Thị Bích Hồng (H5.201)		Ngữ văn 1 Tạ Thị Bích Hồng (H5.201)										
	Chiều	6	Tiếng anh 1 Trịnh Thị Kim Thu (H3.103)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.401)	Tiếng anh 1 Triệu Văn Dũng (H3.104)	Tiếng anh 1 Nguyễn Hồng Yến (H3.105)	Tiếng anh 1 Nguyễn Thị Thu Hương (H3.106)	Tiếng anh 1 Hà Ngọc Tân (H3.101)	Toán 1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.407)	Toán 1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.407)	Tin học Lê Xuân Chung (H2.203_TH Tin Đại cương)		Tin học Phùng Ngọc Hùng (H3.203_TH Máy tính)		Toán 1 Nguyễn Thị Huyền (H5.104)	Tiếng anh 1 Nguyễn Thị Nhàn (H5.101)	Toán 1 Nguyễn Thị Huyền (H5.104)											
		7																										
		8													Hóa học 1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.104)		Hóa học 1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.104)												
		9		Toán 1 Nguyễn Văn Trường (H5.401)																								
		10																										
Thứ 7 14/10	Sáng	1																										
		2																										
		3																										
		4																										
		5																										
	Chiều	6						Cụm chuyên đề Vật lý 1 Nguyễn Thị Vân (H5.204)			Ngữ văn 1 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)	Ngữ văn 1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.302)	Toán 1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)		Cụm chuyên đề Vật lý 1 Chu Thị Tính (H5.201)		Cụm chuyên đề Vật lý 1 Chu Thị Tính (H5.201)	Vật lý 1 Phạm Thanh Mai (H5.301)	Vật lý 1 Phạm Thanh Mai (H5.301)	Sinh học 1 Lê Thị Thảo (H5.202)	Sinh học 1 Lê Thị Thảo (H5.202)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.307)	Toán 1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.306)	Hóa học 1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.304)	Hóa học 1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.304)	Ngữ văn 1 Trần Thị Kim Liên (H5.303)
		7																										
		8						Ngữ văn 1 Trần Thị Kim Liên (H5.204)								Sinh học 1 Nguyễn Thị Hợp (H5.201)		Sinh học 1 Nguyễn Thị Hợp (H5.201)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.301) Cụm chuyên đề toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.301)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.301) Cụm chuyên đề toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.301)	Vật lý 1 Phạm Thanh Mai (H5.202)	Vật lý 1 Phạm Thanh Mai (H5.202)	Vật lý 1 Chu Thị Tính (H5.307)	Vật lý 1 Chu Thị Tính (H5.307)				
		9																										
		10																										